

Số: 21/2015/TTLT-BTTTT-BTC

Hà Nội, ngày 21 tháng 7 năm 2015

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Hướng dẫn hỗ trợ thí điểm đầu thu truyền hình số mặt đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng và 4 huyện Bắc Quảng Nam theo Đề án số hóa truyền dẫn, phát sóng truyền hình mặt đất đến năm 2020

Căn cứ Luật viễn thông ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 132/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 11/2014/QĐ-TTg ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quyết định về tổ chức và hoạt động của Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam;

Thực hiện Quyết định số 2451/QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án số hóa truyền dẫn, phát sóng truyền hình mặt đất đến năm 2020;

Thực hiện công văn số 447/VPCP-KTTH ngày 20 tháng 01 năm 2015 của Văn phòng Chính phủ về việc sử dụng kinh phí từ Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam để hỗ trợ đầu thu truyền hình số cho hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Đề án số hóa truyền dẫn, phát sóng truyền hình mặt đất đến năm 2020 trên địa bàn Đà Nẵng và Bắc Quảng Nam;

Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư liên tịch hướng dẫn hỗ trợ thí điểm đầu thu truyền hình số mặt đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng và 4 huyện Bắc Quảng Nam theo Đề án số hóa truyền dẫn, phát sóng truyền hình mặt đất đến năm 2020.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Thông tư này hướng dẫn hỗ trợ thí điểm đầu thu truyền hình số mặt đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng và 4 huyện Bắc Quảng Nam theo Đề án số hóa truyền dẫn, phát sóng truyền hình mặt đất đến năm 2020.

2. Đối tượng được hỗ trợ: Hộ nghèo, hộ cận nghèo theo tiêu chuẩn nghèo, cận nghèo quy định tại Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg ngày 30/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng cho giai đoạn 2011 - 2015.

3. Vùng hỗ trợ: Thành phố Đà Nẵng và 4 huyện Bắc Quảng Nam bao gồm: thành phố Hội An, huyện Điện Bàn, địa bàn nằm trong vùng phủ sóng DVB-T2 của Đài truyền hình Việt Nam phát sóng tại Sơn Trà của các xã thuộc huyện Đại Lộc (bao gồm: Đại Phong, Đại Minh, Đại Tân, Đại Thắng, Đại Cường, Đại Hiệp, Đại An, Đại Hòa) và các xã thuộc huyện Duy Xuyên (bao gồm: Duy Thu, Duy Tân, Duy Hòa, Duy Châu, Duy Trinh, Duy Trung, Thị trấn Nam Phước, Duy Phước, Duy Thành, Duy Vinh, Duy Nghĩa, Duy Hải).

4. Thời gian thực hiện hỗ trợ: Trong năm 2015.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

Đầu thu truyền hình số mặt đất: Là thiết bị giải mã tín hiệu truyền hình số mặt đất có khả năng hoạt động và sử dụng nguồn điện độc lập với máy thu hình dùng để thu tín hiệu truyền hình số mặt đất theo chuẩn DVB-T2.

Điều 3. Điều kiện được nhận hỗ trợ

Các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư này được nhận hỗ trợ đầu thu truyền hình số mặt đất khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

1. Có tên trong danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo theo kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo tính đến ngày 31/12/2014 và đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Đang sử dụng máy thu hình công nghệ tương tự chưa tích hợp tính năng thu truyền hình số mặt đất theo chuẩn DVB-T2, chưa có đầu thu truyền hình số DVB-T2, chưa sử dụng bất kỳ một trong các phương thức truyền hình trả tiền như truyền hình cáp, truyền hình vệ tinh, truyền hình IPTV trong thời gian triển khai hỗ trợ.

3. Có đơn đề nghị nhận hỗ trợ đầu thu truyền hình số mặt đất gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh với cam kết không bán, cho, tặng đầu thu truyền hình số mặt đất được hỗ trợ.

Điều 4. Mức hỗ trợ và hình thức hỗ trợ

Việc hỗ trợ được thực hiện theo hộ gia đình. Mỗi hộ gia đình chỉ được hỗ trợ một lần bằng hiện vật là 01 đầu thu truyền hình số mặt đất kèm theo ăng ten thu phù hợp cùng với dây cáp nối có độ dài tối đa 15 mét (đối với chế độ thu ngoài trời) và được bảo hành 12 tháng tính từ ngày hộ gia đình nhận bàn giao đầu thu truyền hình số mặt đất.

Điều 5. Kinh phí thực hiện hỗ trợ

1. Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam (sau đây gọi tắt là Quỹ) sử dụng nguồn kinh phí còn lại sau khi thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2010 theo quy định tại Quyết định số 74/2006/QĐ-TTg ngày 07/4/2006 của Thủ tướng Chính phủ để thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Tổ chức mua, lắp đặt đầu thu truyền hình số mặt đất cho các đối tượng được hỗ trợ.

b) Kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện hỗ trợ thí điểm đầu thu truyền hình số mặt đất của Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Ngân sách địa phương:

a) Chi thực hiện các công việc phục vụ triển khai, kiểm tra, giám sát hỗ trợ đầu thu truyền hình số mặt đất tại địa phương: Chi công tác phí, xăng dầu, văn phòng phẩm và các chi phí khác liên quan trực tiếp đến nhiệm vụ này;

b) Căn cứ khả năng ngân sách địa phương và các nguồn hợp pháp khác, quyết định hỗ trợ đầu thu truyền hình số mặt đất đối với hộ nghèo, cận nghèo theo tiêu chuẩn hộ nghèo, cận nghèo của địa phương và các đối tượng khác.

3. Mức chi:

a) Chi mua, lắp đặt đầu thu truyền hình số mặt đất theo kết quả đấu thầu;

b) Các nội dung chi còn lại thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 6. Quy trình tạm ứng, thanh toán, nghiệm thu và quyết toán kinh phí hỗ trợ đầu thu truyền hình số mặt đất

1. Nhà thầu được tạm ứng, thanh toán kinh phí hỗ trợ theo hợp đồng cung cấp, lắp đặt đầu thu truyền hình số mặt đất (sau đây gọi tắt là hợp đồng) đã ký.

Hồ sơ tạm ứng kinh phí hỗ trợ bao gồm: Giấy đề nghị tạm ứng kinh phí và bản sao Hợp đồng.

2. Sau 30 ngày kể từ ngày kết thúc hoạt động hỗ trợ đầu thu truyền hình số mặt đất đến đối tượng được hỗ trợ trên địa bàn tỉnh, thành phố, nhà thầu có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị quyết toán kinh phí hỗ trợ gửi về Quỹ (chi tiết theo Phụ lục 3).

3. Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị quyết toán, Quỹ thực hiện kiểm tra, thẩm định số lượng đầu thu kỹ thuật số mặt đất đã được hỗ trợ, lập biên bản nghiệm thu kết quả thực hiện hợp đồng, quyết toán kinh phí, thanh lý hợp đồng với nhà thầu và trình hồ sơ đề nghị phê duyệt quyết toán kinh phí hỗ trợ gửi Bộ Thông tin và Truyền thông (chi tiết theo Phụ lục 4).

4. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị phê duyệt quyết toán kinh phí hỗ trợ của Quỹ, Bộ Thông tin và Truyền thông thực hiện phê duyệt quyết toán kinh phí hỗ trợ.

5. Trong thời hạn 15 ngày kể từ khi Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt quyết toán kinh phí hỗ trợ, Quỹ thực hiện thanh toán kinh phí hỗ trợ cho nhà thầu.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm triển khai, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc mua sắm đầu thu truyền hình số mặt đất cho các đối tượng được hỗ trợ theo các quy định hiện hành của pháp luật.

2. Bộ Tài chính có trách nhiệm phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn, giải quyết các nội dung liên quan đến kinh phí thực hiện hỗ trợ đầu thu truyền hình số mặt đất theo các quy định hiện hành của pháp luật.

3. Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng, tỉnh Quảng Nam chủ trì tổ chức việc phân phối đầu thu truyền hình số mặt đất đến các đối tượng được hỗ trợ theo quy định bao gồm:

a) Xây dựng và phê duyệt kế hoạch triển khai phân phối đầu thu truyền hình số mặt đất tại địa phương;

b) Xác nhận đơn đề nghị hỗ trợ của các đối tượng đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 3 Thông tư này theo Mẫu 01/Đơn quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Thông tư.

c) Lập danh sách đối tượng đủ điều kiện được hưởng hỗ trợ được quy định tại Điều 3 Thông tư này theo Mẫu 03/DSHN-NC, Mẫu 04/DSHCN-NC quy định tại Phụ lục 2 kèm theo Thông tư và gửi danh sách cho Bộ Thông tin và Truyền thông và nhà thầu;

d) Xác nhận danh sách đối tượng được hỗ trợ đã nhận đầu thu truyền hình số mặt đất do nhà thầu lập theo Mẫu 07/HSQT quy định tại Phụ lục 3 của Thông tư này;

đ) Kiểm tra, giám sát việc phân phối, lắp đặt đầu thu truyền hình số mặt đất cho các đối tượng được hỗ trợ trên địa bàn.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 03 tháng 9 năm 2015.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các Bộ, cơ quan Trung ương và các địa phương phản ánh về Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Tài chính để nghiên cứu, giải quyết./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ TÀI CHÍNH
THỦ TRƯỞNG**



Trương Chí Trung

**KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
THỦ TRƯỞNG**



Lê Nam Thắng

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Viện Kiểm sát NDTC;
- Tòa án NDTC;
- Các Bộ: Bộ KH&ĐT, Bộ LĐ-TB&XH;
- UBND tỉnh Quảng Nam, thành phố Đà Nẵng;
- Sở TTTT, Sở Tài chính, Sở LĐ-TB-XH tỉnh Quảng Nam, thành phố Đà Nẵng;
- Các doanh nghiệp sản xuất và nhập khẩu đầu thu THS;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công thông tin điện tử Chính phủ;
- Bộ trưởng Bộ TT&TT (để b/c);
- Bộ trưởng Bộ Tài chính (để b/c);
- Công thông tin điện tử Bộ TT&TT, BTC;
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ TT&TT, Bộ Tài chính;
- Lưu: VT BTT&TT, VT BTC (120).

Phụ lục 1

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ ĐẦU THU TRUYỀN HÌNH SỐ MẶT ĐẤT

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BTTTT-BTC ngày 21 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông và Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Mẫu 01/Đơn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ ĐẦU THU TRUYỀN HÌNH SỐ MẶT ĐẤT

Kính gửi: UBND Tỉnh (Thành phố).....

Tôi tên là:

Số CMND của chủ hộnơi cấpcấp ngày

Điện thoại:.....

Chỗ ở hiện tại:.....

Là chủ hộ gia đình thuộc diện:

Hộ nghèo

Hộ cận nghèo

theo tiêu chuẩn nghèo, cận nghèo quy định tại Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg ngày 30/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng cho giai đoạn 2011 – 2015.

Hiện đang sử dụng máy thu hình công nghệ tương tự chưa tích hợp tính năng thu truyền hình số mặt đất theo chuẩn DVB-T2, chưa có đầu thu truyền hình số DVB-T2, chưa sử dụng bất kỳ một trong các phương thức truyền hình trả tiền như truyền hình cáp, truyền hình vệ tinh, truyền hình IPTV.

Tôi làm đơn này đề nghị được hỗ trợ đầu thu truyền hình số mặt đất để sử dụng cho gia đình và cam kết không bán, cho, tặng đầu thu được hỗ trợ. Tôi xin cam đoan các thông tin nêu trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

Trân trọng cảm ơn./.

....., ngày.....tháng...năm...

XÁC NHẬN CỦA TRƯỞNG THÔN/PHỐ

(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký và ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: Chỗ ở hiện tại ghi rõ thôn, xã, huyện, tỉnh (Thành phố)

Phụ lục 2
DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC HƯỞNG HỖ TRỢ ĐẦU THU
TRUYỀN HÌNH SỐ MẶT ĐẤT
(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BTTTT-BTC
ngày 21 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông
và Bộ trưởng Bộ Tài chính)

| STT | Tên biểu mẫu | Số hiệu biểu mẫu | Nơi lập | Nơi nhận | |
|----------|---|------------------|----------------------|----------|----------|
| | | | | Bộ TT&TT | Nhà thầu |
| <i>A</i> | <i>B</i> | <i>1</i> | <i>2</i> | <i>3</i> | <i>4</i> |
| 1 | Bảng tổng hợp đối tượng đối tượng đủ điều kiện được hưởng hỗ trợ đầu thu truyền hình số mặt đất | 02/THDS-NC | UBND Tỉnh, Thành phố | X | |
| 2 | Danh sách hộ nghèo đủ điều kiện được hưởng hỗ trợ đầu thu truyền hình số mặt đất trên địa bàn tỉnh, thành phố | 03/DSHN-NC | UBND Tỉnh, Thành phố | X | X |
| 3 | Danh sách hộ cận nghèo đủ điều kiện được hưởng hỗ trợ đầu thu truyền hình số mặt đất trên địa bàn tỉnh, thành phố | 04/DSHCN-NC | UBND Tỉnh, Thành phố | X | X |

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ...**BẢNG TỔNG HỢP ĐỐI TƯỢNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC HƯỞNG HỖ TRỢ
ĐẦU THU TRUYỀN HÌNH SỐ MẶT ĐẤT**

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BTTTT-BTC
ngày 21 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông
và Bộ trưởng Bộ Tài chính)

| STT | Đối tượng hỗ trợ | Tổng | Ghi chú |
|----------|------------------|----------|----------|
| <i>A</i> | <i>B</i> | <i>1</i> | <i>2</i> |
| 1 | Hộ nghèo | | |
| 2 | Hộ cận nghèo | | |
| | Tổng | | |

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ và tên)

....., ngày.....tháng năm

CHỦ TỊCH
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ...

**DANH SÁCH HỘ NGÈO ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC HƯỞNG HỖ TRỢ ĐẦU THU
TRUYỀN HÌNH SỐ MẶT ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH, THÀNH PHỐ**
(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BTTTT-BTC
ngày 21 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông
và Bộ trưởng Bộ Tài chính)

| STT | Quận/ Huyện | Xã/phường | Tên chủ hộ | Số CMND của chủ hộ | Điện thoại | Địa chỉ |
|----------|----------------|-----------|------------|-----------------------|---------------|----------|
| <i>A</i> | <i>B</i> | <i>C</i> | <i>1</i> | <i>2</i> | <i>3</i> | <i>4</i> |
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ và tên)

....., ngày..... tháng năm
CHỦ TỊCH
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Cách lập biểu:

- Cột (A): Ghi số thứ tự của hộ.
- Cột (B), cột (C): Ghi tên huyện, xã
- Cột (1): Ghi họ và tên của chủ hộ.
- Cột (2): Ghi số CMND của chủ hộ.
- Cột (3): Ghi số điện thoại của hộ (nếu có).
- Cột (4): Ghi địa chỉ của hộ: số nhà, thôn/bản/khối phố

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ...

**DANH SÁCH HỘ CẬN NGHEO ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC HƯỞNG HỖ TRỢ ĐẦU THU
TRUYỀN HÌNH SỐ MẶT ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH, THÀNH PHỐ**

*(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BTTTT-BTC
ngày 21 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông
và Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

| STT | Quận/Huyện | Xã/phường | Tên chủ hộ | Số CMND của chủ hộ | Điện thoại | Địa chỉ |
|----------|------------|-----------|------------|-----------------------|---------------|----------|
| <i>A</i> | <i>B</i> | <i>C</i> | <i>1</i> | <i>2</i> | <i>3</i> | <i>4</i> |
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ và tên)

....., ngày.....tháng năm
CHỦ TỊCH
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Cách lập biểu:

- Cột (A): Ghi số thứ tự của hộ.
- Cột (B), cột (C): Ghi tên huyện, xã
- Cột (1): Ghi họ và tên của chủ hộ.
- Cột (2): Ghi số CMND của chủ hộ.
- Cột (3): Ghi số điện thoại của hộ (nếu có).
- Cột (4): Ghi địa chỉ của hộ: số nhà, thôn/bản/khôi phố

Phụ lục 3
HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN, QUYẾT TOÁN KINH PHÍ HỖ TRỢ
ĐẦU THU TRUYỀN HÌNH SỐ MẶT ĐẤT

*(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BTTTT-BTC
ngày 21 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông
và Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

| STT | Tên biểu mẫu | Số hiệu biểu mẫu | Nơi lập | Nơi nhận |
|----------|--|------------------------------|----------|----------|
| <i>A</i> | <i>B</i> | <i>1</i> | <i>2</i> | <i>3</i> |
| 1 | Văn bản đề nghị quyết toán kinh phí hỗ trợ | | Nhà thầu | Quỹ |
| 2 | Hợp đồng cung cấp, lắp đặt đầu thu truyền hình số mặt đất | Qui định theo Hồ sơ mời thầu | Nhà thầu | Quỹ |
| 3 | Báo cáo số lượng và kinh phí hỗ trợ đầu thu truyền hình số mặt đất tại tỉnh, thành phố | 05/HSQT | Nhà thầu | Quỹ |
| 4 | Biên bản bàn giao đầu thu truyền hình số mặt đất | 06/HSQT | Nhà thầu | Quỹ |
| 5 | Bảng kê chi tiết đối tượng đã nhận hỗ trợ đầu thu truyền hình số mặt đất | 07/HSQT | Nhà thầu | Quỹ |
| 6 | Hóa đơn, chứng từ hợp lệ | Theo qui định của BTC | Nhà thầu | Quỹ |

NHÀ THẦU:

Mẫu 05/HSQT

BÁO CÁO SỐ LƯỢNG VÀ KINH PHÍ HỖ TRỢ ĐÀU THU TRUYỀN HÌNH SỐ MẶT ĐẤT

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BTTTT-BTC ngày 21 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông và Bộ trưởng Bộ Tài chính)

| STT | Tỉnh, Thành phố/Huyện/xã | Số lượng (đầu thu) | | Kinh phí hỗ trợ (triệu đồng) | | Ghi chú | | |
|-----|--------------------------|--------------------|--------------|------------------------------|--------------|---------|---|---|
| | | Hộ nghèo | Hộ cận nghèo | Hộ nghèo | Hộ cận nghèo | | | |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 |
| I | Thành phố Đà Nẵng | | | | | | | |
| 1 | Quận (Huyện).... | | | | | | | |
| 1.1 | Xã..... | | | | | | | |
| 1.2 | Xã..... | | | | | | | |
| 2 | Quận (Huyện).... | | | | | | | |
| 2.1 | Xã..... | | | | | | | |
| 2.2 | Xã..... | | | | | | | |
| II | Tỉnh Quảng Nam | | | | | | | |
| 1 | Huyện.... | | | | | | | |
| 1.1 | Xã..... | | | | | | | |
| 1.2 | Xã..... | | | | | | | |
| 2 | Huyện.... | | | | | | | |
| 2.1 | Xã..... | | | | | | | |
| 2.2 | Xã..... | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | Cộng | | | | | | | |

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ và tên)

....., ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU, BÀN GIAO
ĐẦU THU TRUYỀN HÌNH SỐ MẶT ĐẤT

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BTTTT-BTC
ngày 21 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông
và Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Hôm nay, ngày tháng năm, tại địa chỉ số:

Chúng tôi gồm có:

Bên giao:

- Ông/bà:
- Số CMND: ngày cấp nơi cấp
- Chức vụ:
- Đơn vị:

Bên nhận:

- Chủ hộ: Ông/bà
- Số CMND: ngày cấp nơi cấp
- Điện thoại:

Đại diện đã tiến hành bàn giao:

- 01 đầu thu truyền hình số mặt đất, mã số thiết bị (Seri number):..... kèm theo ăng ten, dây cáp nối trong tình trạng hoạt động tốt.
- 01 phiếu bảo hành với thời gian bảo hành là 12 tháng.

Ông/bà: đã được nhận hỗ trợ đầu thu truyền hình số mặt đất theo Đề án số hóa truyền dẫn, phát sóng truyền hình mặt đất đến năm 2020. Thiết bị khi lắp đặt và bàn giao đã thu được tín hiệu truyền hình số.

Hai bên thống nhất lập Biên bản bàn giao theo những nội dung như trên, Biên bản Bàn giao được lập thành 02 bản giống nhau, mỗi bên giữ một bản có giá trị tương đương nhau.

BÊN GIAO
(Ký và ghi rõ họ tên)

BÊN NHẬN
(Ký và ghi rõ họ tên)

TÊN NHÀ THẦU:

BẢNG KÊ CHI TIẾT ĐỐI TƯỢNG ĐÃ NHẬN HỖ TRỢ ĐẦU THU TRUYỀN HÌNH SỐ MẶT ĐẤT

Tỉnh, Thành phố:

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BTTTT-BTC ngày 21 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông và Bộ trưởng Bộ Tài chính)

| STT | Quận/Huyện | Xã/phường | Tên chủ hộ | Số CMND của chủ hộ | Số điện thoại | Địa chỉ | Đối tượng được hỗ trợ | | Số thiết bị (Seri number) | Ngày bàn giao/lắp đặt | | |
|----------------------------------|------------|-----------|------------|--------------------|---------------|---------|-----------------------|--------------|---------------------------|----------------------------------|-------|-----|
| | | | | | | | Hộ nghèo | Hộ cận nghèo | | Ngày | Tháng | năm |
| A | B | C | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| 1 | | | | | | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | | | | | | |
| 3 | | | | | | | | | | | | |
| 4 | | | | | | | | | | | | |
| ... | | | | | | | | | | | | |
| Tổng số hộ được hỗ trợ: hộ | | | | | | | | | | Tổng kinh phí hỗ trợ: đồng | | |

**XÁC NHẬN CỦA
UBND TỈNH, THÀNH PHỐ**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ và tên)

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

+ Cột 4 - Địa chỉ: ghi rõ số nhà, thôn/bản/bán/khối/phó

Phụ lục 4
HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÁN
KINH PHÍ HỖ TRỢ ĐẦU THU TRUYỀN HÌNH SỐ MẶT ĐẤT
(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BTTTT-BTC
ngày 21 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông
và Bộ trưởng Bộ Tài chính

1. Tờ trình đề nghị phê duyệt quyết toán
2. Báo cáo quyết toán kinh phí hỗ trợ;
3. Báo cáo thuyết minh, giải trình chi tiết số liệu quyết toán (nếu có);
4. Các hồ sơ, tài liệu phục vụ công tác phê duyệt quyết toán kinh phí hỗ

trợ:

- Hợp đồng cung cấp, lắp đặt đầu thu truyền hình số mặt đất;
- Biên bản nghiệm thu kết quả thực hiện hợp đồng;
- Biên bản thanh lý hợp đồng cung cấp, lắp đặt đầu thu truyền hình số mặt

đất;

- Hồ sơ mời thầu;
- Hồ sơ của nhà thầu trúng thầu;
- Các tài liệu khác có liên quan.